

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày: 16-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót

2. Ông Dương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1958/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Đăng K; Tên gọi khác: Tì na; Giới tính: Nam; Sinh năm 1994; Nơi sinh: huyện P, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 363/2, KP X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Con ông Trương Ngọc Đ, sinh năm 1965 (sống) và bà Mai Thị T; sinh năm 1963 (sống); Bị cáo có 01 người chị sinh năm 1987; Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án: không.

- Tiền sự: không.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/12/2018 đến ngày 30/5/2019 theo Lệnh bắt bị cáo để tạm giam số 01 ngày 28/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P. Ngày 30/5/2019, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện cho bị cáo Trương Đăng K: Bà Mai Thị T, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Số 363/2, KP X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trương Đăng K: Luật sư Trần Nhật Long H – Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trương Ngọc Đ, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Số 363/2, KP X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Nguyễn Trường C, sinh năm 1996 (Vắng mặt có đơn).

Nơi cư trú: ấp TL, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người làm chứng:

- Đặng Văn Bé N, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số 114/4, ấp TTB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

Người chứng kiến:

- Nguyễn Văn N (UN), sinh năm 1996. Nơi cư trú: ấp GHB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

- Nguyễn Thị T1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số 234, ấp PT, xã PD, huyện CT, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

- Đặng Văn L, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp TL, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 24 /12/2018, tại quán Sông Quê ở ấp TL, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an huyện P phối hợp với Công an xã BT, huyện P tiến hành bắt quả tang Trương Đăng K sau khi thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991, ở ấp TA, xã TH, huyện P và Nguyễn Trường C, sinh năm 1996, ở ấp TL, xã TH, huyện P. Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm:

- Thu giữ trên bàn nơi T và C đang ngồi uống nước 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT có lớp nylon bên ngoài, khoảng cách vỏ bao thuốc lá và lớp nylon có 01 (một) bịch nylon được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (ngghi là ma túy), được niêm phong ký hiệu “T”;

- Thu giữ trong túi áo của K 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số Imel 352876102944789, số Imel2:352876103944788, số sim 0368661423 và số tiền Việt Nam: 950.000đồng;

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu MOBELL, số sim 0373 439729, số Imel 810033600532007, Imel2: 810034600532007 (của T);

- 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 71C3-293.73, loại YAMAHA, nhãn hiệu Exciter, màu sơn xanh – trắng.

Vào hồi 18 giờ cùng ngày, thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp tại nhà ở của K là quán Sông Quê ở ấp TL, xã BT, huyện P, Cơ quan điều tra thu giữ ngăn trên cùng của kệ có 03 ngăn bằng nhựa 02 bịch nylon, cụ thể:

- 01 (một) bịch nylon được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (ngghi là ma túy), được niêm phong ký hiệu “K1”;

- 01 (một) bịch nylon được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (ngghi là ma túy), được niêm phong ký hiệu “K2” (cách bịch thứ nhất khoảng 20cm);

- 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 71C3-042.17, nhãn hiệu YAMAHA, loại Nouvo, màu sơn đỏ - đen.

Tại Kết luận giám định số: 37/2018/GĐMT ngày 26/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong ký hiệu T gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,0432 gam;
- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong ký hiệu K1 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,1405 gam;
- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong ký hiệu K2 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,0699 gam.

Hoàn lại mẫu vật sau giám định đã được niêm phong có khối lượng K1: 0,1098 gam, K2: 0,0648 gam. Không hoàn lại mẫu vật ký hiệu T do đã sử dụng hết trong quá trình giám định. Ma túy sau giám định niêm phong có ký hiệu số 37/2018 có chữ ký ghi tên Phan Trung Trực và Nguyễn Tấn Anh, đóng dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng giữa tháng 12/2018, K liên lạc và mua ma túy của người tên Trang Thanh ở gần khu vực chợ Thơm, huyện Mỏ Cày Nam 02 lần, lần đầu mua 200.000 đồng, lần thứ hai mua 500.000 đồng, sau đó đem về K phân ra và bán lại với giá 200.000 đồng/1 bịch. Trong thời gian giữa cuối tháng 12/2018 đến ngày bị bắt quả tang, K đã bán ma túy cho những người sau đây:

1. Bán ma túy cho Nguyễn Thanh T 04 (bốn) lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 21/12/2018, tại quán Sông Quê, K bán cho T 01 bịch ma túy với giá 200.000 đồng (T đi cùng Đặng Văn Bé N, sinh năm 1991, cư trú tại ấp TTB, xã TH, huyện P);

- Lần thứ hai: Vào chiều ngày 22/12/2018, tại quán Sông Quê, K bán cho T 01 bịch ma túy với giá 200.000 đồng (T đi cùng C);

- Lần thứ ba: Vào chiều ngày 23/12/2018, tại quán Sông Quê, K bán cho T 01 bịch ma túy với giá 200.000 đồng (T đi cùng C);

- Lần thứ tư: Vào khoảng 14 giờ ngày 24/12/2018, T gọi vào số điện thoại cho K qua số liên lạc 0368 661423 đặt mua 01 bịch ma túy với giá 200.000 đồng, K đồng ý nên hẹn T đến quán Sông Quê để lấy ma túy. T gọi điện thoại cho C chạy xe mô tô biển số kiểm soát 71C1-293.73 đến chờ T đến quán Sông Quê. Tại đây, sau khi K giao cho T 01 bịch ma túy và lấy 200.000 đồng, T đem ma túy bỏ vào bên trong vỏ kiếng bao thuốc lá để trên bàn thì lực lượng Công an bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

2. Bán cho Đặng Văn Bé N 01 lần 01 bịch ma túy với giá 200.000 đồng vào ngày 21/12/2018 tại quán Sông Quê.

3. Bán cho người tên G (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ) 01 lần 01 bịch ma túy với giá 200.000 đồng (G đi cùng Nguyễn Văn N, tên gọi khác: UN, sinh năm 1996, ở ấp GHB, xã GT, huyện P).

Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình bị cáo trình bày: Vào năm 2014, K bị tai nạn giao thông, bị thương vùng đầu nên có biểu hiện bị bệnh tâm thần. Do đó, Cơ quan điều tra đã thu thập giấy Chứng nhận thương tích, hồ sơ bệnh án, đồng thời trưng cầu giám định tâm thần đối với K.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 251/KL-VPYTW ngày 17/5/2019 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa kết luận Trương Đăng K như sau:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh Rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07.8-ICD.10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay: Dương sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi (Bút lục số 361-363).

Ngoài ra, quá trình điều tra bị cáo K đã tự nguyện giao nộp số tiền 800.000 đồng do mua bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước (Bút lục số 443a).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Đăng K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi; bị cáo tự nguyện khai báo với cơ quan điều tra về các lần phạm tội trước đó; quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền 800.000 đồng do mua bán trái phép chất ma túy mà có.

Về vật chứng:

- Đối với các phong bì niêm phong có ký hiệu K1, K2 là ma túy loại Methamphetamine đã thu giữ do bị cáo mua bán trái phép;

- Đối với 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số Imel 352876102944789, số Imel2: 352876103944788, số sim 0368661423 là của bị cáo K dùng vào việc phạm tội; số tiền 950.000 đồng là của bị cáo K;

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 71C3-042.17, nhãn hiệu YAMAHA, loại Nouvo, màu sơn đỏ - đen là của ông Trương Ngọc Đ (cha của bị cáo K) mua và đứng tên trong giấy đăng ký xe. Việc bị cáo K sử dụng xe mô tô nêu trên làm phương tiện phạm tội, ông Đ không biết. Do đó, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe mô tô nêu trên cho ông Đ xong.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 71C3-293.73, loại YAMAHA, nhãn hiệu Exciter, màu sơn xanh – trắng là của Nguyễn Trường C mua và đứng tên trong giấy đăng ký xe. Hiện cơ quan điều tra đã trả lại cho C xong.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu MOBELL, số sim 0373 439729, số Imel 810033600532007, Imel2: 810034600532007 là của Nguyễn Thanh T, hiện cơ quan điều tra đã trả lại cho T xong.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS, ngày 24-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Trương Đăng K, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm q, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trương Đăng K từ 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/12/2018 đến ngày 30/5/2019)

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: Đối với các phong bì niêm phong có ký hiệu K1, K2 là ma túy loại Methamphetamine đã thu giữ do bị cáo mua bán trái phép;

Tịch thu sung quỹ: Đối với 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số Imel 352876102944789, số Imel2: 352876103944788, số sim 0368661423 là của bị cáo K dùng vào việc phạm tội và số tiền 1.000.000đồng do mua bán trái phép chất ma túy mà có.

Trả lại số tiền 750.000đồng cho bị cáo K;

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 71C3-042.17, nhãn hiệu YAMAHA, loại Nouvo, màu sơn đỏ - đen là của ông Trương Ngọc Đ (cha của bị cáo K) mua và đứng tên trong giấy đăng ký xe. Việc bị cáo K sử dụng xe mô tô nêu trên làm phương tiện phạm tội, ông Đ không biết; 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 71C3-293.73, loại YAMAHA, nhãn hiệu Exciter, màu sơn xanh – trắng là của Nguyễn Trường C mua và đứng tên trong giấy đăng ký xe; 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu MOBELL, số sim 0373 439729, số Imel 810033600532007, Imel2: 810034600532007 là của Nguyễn Thanh T. Do đó, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cho ông Đ, cho C và đã trả lại điện thoại cho T xong là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về hình phạt bổ sung: không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với người tên Trang Thanh đã bán trái phép chất ma túy cho bị cáo K, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân địa chỉ nên không có sơ sở xử lý.

Đối với Nguyễn Thanh T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng: 0,0432gam, loại Methamphetamine, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự nêu trên và đã xử lý vi phạm hành chính đối với T về hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Trường C, Đặng Văn Bé N đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an huyện P đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính xong.

Đối với người tên G và Nguyễn Văn N đã có hành vi mua ma túy của bị cáo K, nhưng quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, địa chỉ của người tên G và Nguyễn Văn N hiện đã đi khỏi địa phương nên sẽ làm rõ xử lý sau.

Bị cáo Trương Đăng K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nên không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo K là Luật sư H trình bày: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố, các điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo dưới mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy

tổ đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trương Đăng K đã thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản xét nghiệm chất ma túy; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; lời khai của bị cáo; người làm chứng; kết luận giám định. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ giữa tháng 12/2018 đến ngày 24/12/2018, Trương Đăng K đã mua ma túy loại Methamphetamine về phân lẻ ra và nhiều lần bán lại cho Nguyễn Thanh T, Nguyễn Trường C, Đặng Văn Bé N và người tên G để thu lợi bất chính. Đến ngày 24/12/2018, tại quán Sông Quê ở ấp TL, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre, sau khi bị cáo K vừa bán cho Nguyễn Thanh T 01 bịch ma túy với giá 200.000đồng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang cùng với vật chứng là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 0,0432gam. Qua khám xét nơi ở của K, thu giữ được 02 bịch ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng: 0,2104gam.

Hành vi mà bị cáo đã thực hiện và khai nhận tại tòa hôm nay là trái pháp luật, nguy hiểm đáng kể cho xã hội, vi phạm quy định của Nhà nước về mua bán các chất ma túy nêu trên nhưng bị cáo đã mua ma túy về phân lẻ ra và nhiều lần bán lại nhằm mục đích thu lợi bất chính. Vì vậy, Cáo trạng số 20/CT-VKS, ngày 24-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Trương Đăng K, về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước ta. Thực hiện hành vi vi phạm chế độ này không chỉ gây khó khăn cho việc kiểm soát chất ma túy của Nhà nước mà còn góp phần tạo ra một lớp người nghiện, qua đó đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt khác của đời sống xã hội, là nguyên nhân phát sinh một số loại tội phạm trên địa bàn huyện.

[4] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích thu lợi bất chính cho bản thân. Do đó, bị cáo phải gánh chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho gia đình và xã hội và đảm bảo mục đích phòng ngừa tội phạm ở địa phương.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không gánh chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi; bị

cáo tự nguyện khai báo với cơ quan điều tra về các lần phạm tội trước đó; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền 800.000đồng do mua bán trái phép chất ma túy mà có. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm q, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Điều luật đã quy định cũng đủ sức cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do hiện nay bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy: các phong bì niêm phong có ký hiệu K1, K2 là ma túy loại Methamphetamine đã thu giữ do bị cáo mua bán trái phép;

Tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số Imel 352876102944789, số Imel2: 352876103944788, số sim 0368661423 là của bị cáo K dùng vào việc phạm tội và số tiền 1.000.000đồng do mua bán trái phép chất ma túy mà có.

Trả lại số tiền 750.000đồng cho bị cáo K;

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 71C3-042.17, nhãn hiệu YAMAHA, loại Nouvo, màu sơn đỏ - đen là của ông Trương Ngọc Đ (cha của bị cáo K) mua và đứng tên trong giấy đăng ký xe. Việc bị cáo K sử dụng xe mô tô nêu trên làm phương tiện phạm tội, ông Đ không biết; 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 71C3-293.73, loại YAMAHA, nhãn hiệu Exciter, màu sơn xanh – trắng là của Nguyễn Trường C mua và đứng tên trong giấy đăng ký xe; 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu MOBELL, số sim 0373 439729, số Imel 810033600532007, Imel2: 810034600532007 là của Nguyễn Thanh T. Do đó, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cho ông Đ, cho C và đã trả lại điện thoại cho T xong là có căn cứ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

Đối với người tên Trang Thanh đã bán trái phép chất ma túy cho bị cáo K, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân địa chỉ nên không có sơ sở xử lý.

Đối với Nguyễn Thanh T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng: 0,0432gam, loại Methamphetamine, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự nêu trên và đã xử lý vi phạm hành chính đối với T về hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Trường C, Đặng Văn Bé N đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an huyện P đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính xong.

Đối với người tên G và Nguyễn Văn N đã có hành vi mua ma túy của bị cáo K, nhưng quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, địa chỉ của người tên G và Nguyễn Văn N hiện đã đi khỏi địa phương nên sẽ làm rõ xử lý sau.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm q, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Trương Đăng K phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trương Đăng K 03 (ba) năm tù, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/12/2018 đến ngày 30/5/2019 là 05 (năm) tháng 04 (bốn) ngày. Thời gian còn lại bị cáo chấp hành hình phạt tù là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo Quyết định chuyển vật chứng số 12/QĐ-VKS ngày 24-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P như sau:

Tịch thu tiêu hủy: các phong bì niêm phong có ký hiệu K1, K2 là ma túy loại Methamphetamine đã thu giữ do bị cáo mua bán trái phép.

Tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, số Imel 352876102944789, số Imel2: 352876103944788, số sim 0368661423 là của bị cáo K dùng vào việc phạm tội và số tiền 1.000.000đồng (theo biên lai thu tiền số 0003133 ngày 24/7/2019) do mua bán trái phép chất ma túy mà có.

Trả lại số tiền 750.000đồng (theo biên lai thu tiền số 0003133 ngày 24/7/2019) cho bị cáo Trương Đăng K.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo Trương Đăng K phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ khi nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu (hồ sơ, văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết